

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc**

Số: **49** /2013/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **11** tháng **11** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng
trên địa bàn Thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/ 11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27/11/2009 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng-Kinh doanh-Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; Nghị định 24/2011/NĐ-CP ngày 05/04/2011 của Chính phủ về Sửa đổi một số điều của Nghị định 108/2009/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2009 về đầu tư theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh, Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2008/TT-BXD-BNV ngày 16/12/2008 của liên Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 8556 /TTr-SXD ngày 01/11/2013 và các Báo cáo thẩm định số 2341/STP-VBPQ ngày 24/9/2013 và số 2604/STP-VBPQ ngày 21/10/2013 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 122/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Công thương, GTVT, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- VPUBTP: CVP, các PVP UBND TP;
- Các báo: Hà Nội mới, Kinh tế và Đô thị;
- Trung tâm Công báo, Cổng Giao tiếp điện tử thành phố Hà Nội;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khôi

QUY ĐỊNH

Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

(ban hành theo Quyết định số ...~~49~~⁴⁹... /2013/QĐ-UBND ngày ~~M~~^M.../2013
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; quản lý an toàn lao động, giải quyết sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng; quy định về bảo hành công trình xây dựng.

2. Quy định về thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình được thực hiện theo Quy định khác của UBND Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các Sở, Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là UBND cấp xã); chủ đầu tư (nhà đầu tư), các nhà thầu trong nước và nước ngoài, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính Thành phố Hà Nội.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho các Sở, Ban, Ngành, UBND cấp huyện (thực hiện Khoản 4 Điều 41, Khoản 1 Điều 44, Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình dân dụng (quy định tại mục I); công trình sản xuất vật liệu xây dựng (quy định tại Điểm 1 Mục II) và công trình hạ tầng kỹ thuật (quy định tại mục III) của Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

2. Sở Công thương chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình công nghiệp

chuyên ngành (trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng). Các công trình công nghiệp chuyên ngành quy định tại Mục II Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình giao thông quy định tại Mục IV Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình thuộc lĩnh vực hàng hải, hàng không).

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định tại Mục V Phụ lục Phân loại công trình xây dựng, ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình thuộc Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình xây dựng: các công trình do UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng; các công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân; các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND Thành phố ủy quyền quyết định đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư theo quy định tại Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (thực hiện Khoản 6, Khoản 8 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD)

1. Sở Xây dựng kiểm tra các công trình quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc do UBND Thành phố quyết định đầu tư (hoặc ủy quyền quyết định đầu tư), bao gồm: Nhà chung cư (cấp II, cấp III); công trình công cộng (cấp II, cấp III); công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp II, cấp III) và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp;

b) Đối với các công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Nhà chung cư cấp II; công trình công cộng cấp II; công trình sản xuất vật liệu xây dựng cấp II; công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II và các công trình xử lý chất thải rắn độc hại không phân biệt cấp.

2. Sở Công thương kiểm tra công trình quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 21 và Điểm d Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm:

a) Công trình sử dụng vốn ngân sách và vốn khác ngoài ngân sách: công trình cấp II, cấp III thuộc loại công trình đường dây tải điện, trạm biến áp, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện kim, nhà máy sản xuất Alumin, các công trình công nghiệp chuyên ngành (trừ công trình sản xuất vật liệu xây dựng); các công trình có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu không phân biệt cấp công trình: công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn

xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp;

b) Các công trình thuộc Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao (công trình cấp II), trừ các công trình quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Sở Giao thông Vận tải kiểm tra các công trình giao thông quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm:

a) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND Thành phố quyết định đầu tư, hoặc uỷ quyền quyết định đầu tư, bao gồm: công trình cầu, hầm, đường bộ (cấp II, cấp III); công trình đường sắt, công trình đường thủy nội địa, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp;

b) Đối với các công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Công trình cầu, hầm, đường bộ (cấp II); công trình đường sắt, công trình đường thủy nội địa, hệ thống cáp treo vận chuyển người không phân biệt cấp.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra các công trình quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP (trừ các công trình quy định tại Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD), bao gồm các công trình sử dụng vốn ngân sách và vốn khác ngoài ngân sách: hồ chứa nước, đập ngăn nước, tràn xả lũ, cống lấy nước, cống xả nước, kênh, đường ống kín dẫn nước, đường hầm thủy công, đê, kè, trạm bơm và công trình thủy lợi khác (cấp II, cấp III, cấp IV).

5. Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội kiểm tra các công trình thuộc Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao, bao gồm:

Công trình cấp III; công trình cấp IV thuộc loại công trình có yêu cầu bắt buộc phải kiểm tra công tác nghiệm thu không phân biệt cấp công trình: công trình nhà máy lọc hóa dầu, chế biến khí, các công trình nhà kho và tuyến đường ống dẫn xăng, dầu, khí hóa lỏng, nhà máy sản xuất và kho chứa hóa chất nguy hiểm, nhà máy sản xuất và kho chứa vật liệu nổ công nghiệp.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (trừ các công trình quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này), bao gồm:

a) Các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình do UBND cấp huyện quyết định đầu tư hoặc được UBND Thành phố uỷ quyền cho UBND cấp huyện quyết định đầu tư và các dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư (công trình cấp III, cấp IV);

b) Công trình sử dụng vốn khác, bao gồm: Công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên, nhà chung cư cấp III, công trình công cộng cấp III, quy định tại Mục I Phụ lục Phân loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

7. Cấp công trình nêu tại các khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6 Điều này được quy định tại Phụ lục 1 về Phân cấp các loại công trình xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

8. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 3 Quy định này thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển bước giai đoạn thi công, kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 24

Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Đối với một số công trình do đặc điểm tổ chức thi công theo tuyến công trình, khó xác định được các giai đoạn chuyển bước thi công và các công trình có quy mô nhỏ, kết cấu đơn giản thì không phải kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn mà chỉ thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng.

9. Đối với các công trình không phải kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (các công trình không thuộc diện quy định nêu tại các khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6 Điều này) thì chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

10. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng công trình gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan quản lý nhà nước có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra công trình chính của dự án, có trách nhiệm tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu cho toàn bộ công trình theo các quy định tại Điều này và mời các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành có liên quan tham gia trong quá trình kiểm tra. Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng chuyên ngành được mời phối hợp kiểm tra chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra do mình thực hiện.

11. Đối với các dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BOT, BTO, BT (theo quy định tại Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hà Nội), các cơ quan được UBND Thành phố ủy quyền ký kết Hợp đồng thực hiện dự án hoặc được giao quản lý thực hiện Hợp đồng dự án (quy định tại Khoản 1 Điều 29 Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND) chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng (thực hiện Khoản 1 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi địa giới hành chính thành phố Hà Nội, có trách nhiệm:

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành các văn bản để triển khai, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước và của Thành phố Hà Nội;

3. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản

lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên;

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Phối hợp với Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi có yêu cầu;

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này;

6. Giúp UBND thành phố tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Điều 25 của Quy định này; theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND thành phố về tình hình sự cố trên địa bàn; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này;

7. Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

8. Công bố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý:

a) Thông tin năng lực của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

b) Công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

9. Báo cáo UBND thành phố định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

10. Giúp UBND thành phố tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 12) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn (thực hiện Khoản 2 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây

dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

2. Phối hợp với Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I trên địa bàn; Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn; tham gia Hội đồng nghiệm thu nhà nước đối với công trình xây dựng trên địa bàn nếu có yêu cầu.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra, kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 25 của Quy định này; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo phân cấp quy định tại các Khoản 2, 3, 4 Điều 3 Quy định này.

5. Xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP. Trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì được quyền tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn. Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

6. Tổng hợp báo cáo UBND Thành phố, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn.

7. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành.

Điều 7. Trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với công trình thuộc quyền quản lý theo quy định tại Khoản 5 Điều 4 Quy định này. Nội dung kiểm tra, Kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

3. Tổng hợp báo cáo Sở Công thương, Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

4. Kiện toàn, tổ chức bộ phận chuyên môn có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng thuộc các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan cấp phát, thanh toán (Tài chính, Kho bạc, Quỹ đầu tư phát triển thành phố)

1. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách theo qui định của Nhà nước và của UBND Thành phố.

2. Thực hiện thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách khi các công trình (hoặc hạng mục công trình) được thi công và nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trong hồ sơ thanh, quyết toán vốn đầu tư phải có Văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 9. Trách nhiệm của UBND cấp huyện (thực hiện Khoản 3 Điều 45 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

4. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24 của Quy định này. Hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này.

5. Tổng hợp báo cáo UBND Thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng

Phòng Quản lý đô thị là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, có chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, có trách nhiệm:

1. Trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

2. Hướng dẫn UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

3. Giúp UBND cấp huyện thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy định này. Lập kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng và chất lượng công trình khi có yêu cầu hoặc khi phát hiện dấu hiệu vi phạm về chất lượng công trình xây dựng.

4. Kiến nghị xử lý các vi phạm về chất lượng công trình xây dựng, trường hợp phát hiện chất lượng công trình không đảm bảo yêu cầu, có nguy cơ gây sập đổ công trình hoặc biện pháp thi công không đảm bảo an toàn thì báo cáo UBND cấp huyện tạm dừng thi công và chỉ cho phép thi công sau khi chủ đầu tư và các nhà thầu khắc phục các tồn tại, đảm bảo an toàn; Việc tạm dừng thi công thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

5. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình do UBND cấp huyện quản lý theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Quy định này. Kế hoạch, nội dung kiểm tra; kết quả kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Văn bản Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo mẫu tại Phụ lục 1 và kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Riêng công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên, việc kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thực hiện theo Quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ của Bộ Xây dựng.

6. Giúp UBND cấp huyện trong việc thực hiện các nhiệm vụ: lập báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định tại Điều 23, Điều 24 của Quy định này; giải quyết sự cố, tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ; giải quyết những hư hỏng công trình lân cận, liền kề do việc thi công xây dựng công trình mới gây ra; hướng dẫn giải quyết tranh chấp về chất lượng đối với các công trình xây dựng do UBND cấp huyện quản lý theo phân cấp quy định tại Khoản 6 Điều 3 Quy định này.

7. Giúp UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo UBND thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hàng năm vào ngày 15 tháng 11 hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng cho các tổ chức và công dân trên địa bàn.

2. Tiếp nhận, xác nhận thông báo khởi công của chủ đầu tư đối với các công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định của Điều 68 Luật Xây dựng; kiểm tra quá trình thi công công trình theo nội dung giấy phép xây dựng, biển báo công trường, các điều kiện đảm bảo vệ sinh môi trường như: hàng rào thi công, màn che công trình, thoát nước thi

công, giải pháp thu gom nước thải, phế thải xây dựng, nhà vệ sinh tạm thời, giấy phép sử dụng tạm thời hè, đường.

3. Tiếp nhận báo cáo sự cố của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình gửi UBND cấp xã, đồng thời ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho UBND cấp huyện và UBND Thành phố về sự cố theo quy định Điều 23 của Quy định này.

4. Lập Hồ sơ sự cố công trình xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ của dân thuộc phạm vi địa bàn; Trường hợp phát hiện công trình xây dựng, nhà ở riêng lẻ của dân hoặc các công trình lân cận, liền kề công trình đang xây dựng có dấu hiệu không đảm bảo an toàn cho người sử dụng hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố sụp đổ, phải có biện pháp tổ chức di chuyển người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm đồng thời báo cáo, đề xuất hướng xử lý với UBND cấp huyện.

5. Lập danh mục, theo dõi các công trình khởi công xây dựng trên địa bàn xã, phường, thị trấn (theo mẫu phụ lục 3 kèm theo Quy định này); định kỳ 6 tháng/1 lần báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua phòng Quản lý đô thị để tổng hợp, theo dõi, kiểm tra.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CỦA CÁC TỔ CHỨC THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Công tác quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình (*thực hiện Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP*) :

a) Lựa chọn các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định để thực hiện công tác khảo sát xây dựng, thiết kế, thi công xây dựng công trình, giám sát thi công xây dựng công trình (nếu có), thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) và các công việc tư vấn xây dựng khác;

b) Thông báo về nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân trong hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư, nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình cho các nhà thầu có liên quan biết để phối hợp thực hiện. Trước khi thi công xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng phải thống nhất các nội dung về hệ thống quản lý chất lượng của chủ đầu tư và của nhà thầu; kế hoạch và biện pháp kiểm soát chất lượng theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

c) Kiểm tra các điều kiện khởi công công trình xây dựng theo quy định tại Điều 72 Luật Xây dựng và các văn bản, hướng dẫn liên quan của nhà nước và thành phố; thông báo khởi công công trình bằng văn bản cho UBND cấp xã nơi xây dựng công trình theo quy định tại Điều 68 Luật Xây dựng.

Đối với các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP, sau khi khởi công chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo gửi cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng theo phân cấp tại Điều 4 Quy định này các thông tin sau: tên và địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư, tên công trình, địa điểm xây dựng, quy mô và tiến độ thi công dự kiến của công trình ;

d) Kiểm tra sự phù hợp năng lực của nhà thầu thi công xây dựng công trình so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng xây dựng, bao gồm: nhân lực, thiết bị thi công, phòng thí

nghiệm chuyên ngành xây dựng, hệ thống quản lý chất lượng của nhà thầu thi công xây dựng công trình;

đ) Kiểm tra việc huy động và bố trí nhân lực của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình so với yêu cầu của hợp đồng xây dựng;

e) Kiểm tra và giám sát trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định tại Khoản 6 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ;

g) Thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

h) Tổ chức kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng hoặc khi được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng yêu cầu;

i) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

k) Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Điều 30 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP và các quy định tại Điều 27, Điều 28 Thông tư số 10/2013/TT-BXD ;

l) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi công xây dựng tuân thủ biện pháp thi công và các giải pháp về an toàn đã được phê duyệt theo quy định tại Khoản 6 Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ;

m) Tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không đảm bảo an toàn;

n) Chủ trì, phối hợp với các bên liên quan giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong thi công xây dựng công trình;

o) Lập báo cáo hoàn thành đưa công trình vào sử dụng hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu và gửi cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng;

p) Chủ đầu tư có thể thuê nhà thầu tư vấn giám sát thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại các Điểm c, d, e, i, k, o Khoản 1 Điều này và một số công việc khác khi cần thiết. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện của nhà thầu tư vấn giám sát theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP :

a) Tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng bao gồm: nghiệm thu công việc xây dựng trong quá trình thi công xây dựng; nghiệm thu đối với các giai đoạn chuyển bước thi công quan trọng của công trình (trong trường hợp cần thiết); nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Việc tổ chức nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình để đưa vào sử dụng thực hiện theo các Điều 20, 21, 22 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

b) Trong hợp đồng thi công xây dựng phải quy định rõ về các công việc cần nghiệm thu, bàn giao; các căn cứ, điều kiện, quy trình, thời điểm, các tài liệu, biểu mẫu, biên bản, và thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao hạng mục công trình, công trình hoàn thành. Kết quả nghiệm thu, bàn giao phải được lập thành biên bản;

c) Các bộ phận, hạng mục công trình xây dựng hoàn thành và công trình xây dựng hoàn thành chỉ được phép đưa vào sử dụng sau khi được chủ đầu tư nghiệm thu theo quy định. Riêng các công trình, hạng mục công trình xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 15/2013/NĐ-CP còn phải được các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 4 Quy định này;

d) Trước 10 ngày làm việc (đối với công trình cấp II, III và cấp IV) hoặc trước 20 ngày làm việc (đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I) so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành hạng mục công trình hoặc hoàn thành công trình cùng danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 4 Quy định này;

đ) Sau khi đã tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện tổ chức bàn giao hạng mục công trình xây dựng hoặc công trình xây dựng theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Công tác bảo hành và giải quyết sự cố trong thi công xây dựng :

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Quy định này ;

b) Khi xảy ra sự cố trong thi công xây dựng, chủ đầu tư có trách nhiệm: báo cáo sự cố, tham gia giải quyết sự cố, giám định nguyên nhân sự cố, lập hồ sơ sự cố theo quy định tại Điều 23, 24, 25, 26 của Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của nhà thầu khảo sát xây dựng (thực hiện Điều 14 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

1. Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư; lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư số 10/2013/TT-BXD. Thực hiện khảo sát theo phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được phê duyệt ; sử dụng thiết bị, phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và phù hợp với công việc khảo sát ;

2. Bố trí đủ cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật để làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng; tổ chức tự giám sát trong quá trình khảo sát;

3. Bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong khu vực khảo sát; thực hiện bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực khảo sát; phục hồi hiện trường sau khi kết thúc khảo sát;

4. Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng và hợp đồng; kiểm tra, khảo sát lại hoặc khảo sát bổ sung khi kết quả khảo sát xây dựng không phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi xây dựng công trình hoặc không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ khảo sát.

Điều 14. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế (thực hiện Điều 15, Điều 19, Điều 28 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP) :

1. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong khảo sát xây dựng, bao gồm:

a) Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng phù hợp với yêu cầu của từng bước thiết kế khi có yêu cầu của chủ đầu tư; kiểm tra sự phù hợp của số liệu khảo sát với yêu cầu của bước thiết kế, tham gia nghiệm thu báo cáo kết quả khảo sát xây dựng khi được chủ đầu tư yêu cầu;

b) Kiến nghị chủ đầu tư thực hiện khảo sát xây dựng bổ sung khi phát hiện kết quả khảo sát không đáp ứng yêu cầu khi thực hiện thiết kế hoặc phát hiện những yếu tố khác thường ảnh hưởng đến thiết kế;

2. Trách nhiệm của nhà thầu thiết kế trong thiết kế xây dựng, bao gồm:

a) Bố trí đủ người có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện thiết kế; cử người có đủ điều kiện năng lực theo quy định để làm chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế; sử dụng kết quả khảo sát đáp ứng được yêu cầu của bước thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình;

b) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình; lập hồ sơ thiết kế đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thiết kế, nội dung của từng bước thiết kế, quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan. Thực hiện thay đổi thiết kế theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

3. Trách nhiệm giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình:

a) Cử người đủ năng lực để thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng theo chế độ giám sát không thường xuyên hoặc giám sát thường xuyên nếu có thỏa thuận riêng với chủ đầu tư trong hợp đồng;

b) Giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu giám sát thi công xây dựng; thông báo kịp thời cho chủ đầu tư và kiến nghị biện pháp xử lý khi phát hiện việc thi công sai với thiết kế được duyệt của nhà thầu thi công xây dựng;

c) Phối hợp với chủ đầu tư khi được yêu cầu để giải quyết các vướng mắc, phát sinh về thiết kế trong quá trình thi công xây dựng, điều chỉnh thiết kế phù hợp với thực tế thi công xây dựng công trình, xử lý những bất hợp lý trong thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư;

d) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nếu phát hiện hạng mục công trình, công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu phải có ý kiến kịp thời bằng văn bản gửi chủ đầu tư.

Điều 15. Trách nhiệm của nhà thầu giám sát thi công xây dựng công trình
(thực hiện Điều 27 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

1. Cử người có đủ năng lực theo quy định để thực hiện nhiệm vụ của giám sát trưởng và các chức danh giám sát khác. Người thực hiện việc giám sát thi công xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với công việc xây dựng, loại, cấp công trình;

2. Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát bao gồm nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ của các chức danh giám sát; lập kế hoạch và quy trình kiểm soát chất lượng, quy trình kiểm tra và nghiệm thu, phương pháp quản lý các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình giám sát thi công xây dựng;

3. Thực hiện giám sát thi công xây dựng theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng, đề cương đã được chủ đầu tư chấp thuận và quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

4. Nghiệm thu các công việc do nhà thầu thi công xây dựng thực hiện theo yêu cầu của hợp đồng xây dựng;

5. Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công trình xây dựng tương ứng với phần công việc do mình thực hiện, kể cả sau thời gian bảo hành.

Điều 16. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng (thực hiện Điều 25 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

1. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình; Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, tiến độ thi công, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác;

2. Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô công trình, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng bộ phận đối với việc quản lý chất lượng công trình xây dựng. Phân định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng giữa các bên trong trường hợp áp dụng hình thức tổng thầu thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế và thi công xây dựng công trình; tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; tổng thầu lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình và các hình thức tổng thầu khác (nếu có);

3. Lập và phê duyệt biện pháp thi công trong đó quy định rõ các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, máy, thiết bị và công trình, tiến độ thi công, trừ trường hợp trong hợp đồng có quy định khác; bố trí nhân lực, cung cấp vật tư, thiết bị thi công theo yêu cầu của hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

4. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng, thiết kế xây dựng công trình; đảm bảo chất lượng công trình và an toàn trong thi công xây dựng; thông báo kịp thời cho chủ đầu tư nếu phát hiện bất kỳ sai khác nào giữa thiết kế, hồ sơ hợp đồng và điều kiện hiện trường;

5. Thực hiện các công tác kiểm tra, thí nghiệm vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định của tiêu chuẩn, yêu cầu của thiết kế và yêu cầu của hợp đồng xây dựng;

6. Quản lý công tác an toàn trong thi công xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP;

7. Sửa chữa sai sót, khiếm khuyết chất lượng đối với những công việc do mình thực hiện; chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư khắc phục hậu quả sự cố trong quá trình thi công xây dựng công trình; lập báo cáo sự cố và phối hợp với các bên liên quan trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố;

8. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

9. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo yêu cầu của chủ đầu tư;

10. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng có thỏa thuận khác;

11. Thực hiện bảo hành công trình xây dựng theo quy định tại Điều 20, Điều 21 của Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của nhà thầu chế tạo, sản xuất, cung cấp vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng (thực hiện Điều 26 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP):

1. Đảm bảo chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị, cấu kiện xây dựng theo tiêu chuẩn kỹ thuật được công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế;

2. Cung cấp cho bên giao thầu đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan tới sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và pháp luật khác có liên quan; đảm bảo quy định về nhãn mác sản phẩm, hàng hóa;

3. Thực hiện việc chứng nhận hợp quy, hợp chuẩn theo quy định của pháp luật và thực hiện thí nghiệm kiểm tra chất lượng theo yêu cầu của hợp đồng;

4. Thực hiện các thỏa thuận với bên giao thầu về quy trình và phương pháp kiểm tra chất lượng vật liệu, sản phẩm, thiết bị và cấu kiện xây dựng trước và trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình cung ứng, sử dụng, lắp đặt vào công trình. Hình thức kiểm soát chất lượng sản phẩm thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 10/2013/TT-BXD;

5. Thực hiện trách nhiệm bảo hành đối với sản phẩm do mình cung cấp cho công trình theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm của nhà thầu kiểm định chất lượng công trình xây dựng :

1. Tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại, cấp công trình theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2011/TT-BXD ngày 06/4/2011 của Bộ Xây dựng ;

2. Thực hiện kiểm định chất lượng bộ phận công trình, hạng mục công trình và toàn bộ công trình xây dựng khi có nghi ngờ về chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (theo quy định tại Khoản 8 Điều 24 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP); thực hiện kiểm định theo chỉ định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP);

3. Việc kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình (theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 10/2013/TT-BXD) được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Được quy định trong hợp đồng xây dựng hoặc chỉ dẫn kỹ thuật theo yêu cầu của thiết kế;

b) Khi công trình, hạng mục công trình, bộ phận công trình xây dựng có biểu hiện không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của thiết kế;

c) Khi xảy ra sự cố trong quá trình thi công xây dựng ảnh hưởng tới chất lượng của bộ phận công trình hoặc công trình xây dựng;

d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP (đối với các công trình thuộc dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT, PPP) và yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng khi cần thiết;

4. Lập đề cương kiểm định trình tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định xem xét chấp thuận và tổ chức thực hiện kiểm định theo đúng đề cương đã được chấp thuận; Lập báo cáo đánh giá, kết luận nội dung yêu cầu kiểm định gửi cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu kiểm định.

Điều 19. Trách nhiệm của Cơ sở quản lý Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (thực hiện theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

1. Tổ chức và hoạt động của phòng thí nghiệm theo quy định tại Chương IV của Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD. Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tổ chức và quản lý hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận.

2. Khi được Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải gửi thông báo bằng văn bản cho Sở Xây dựng kèm bản sao quyết định công nhận, danh mục các phép thử kèm theo quyết định.

3. Thực hiện theo Hợp đồng xây dựng các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng hoặc lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu của thiết kế, đảm bảo tính khách quan và tính chính xác của các phép thử theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của Sở Xây dựng theo quy định tại Điều 24 của Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD.

Chương V

QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ BẢO HÀNH, SỰ CỐ, GIÁM SÁT CÔNG ĐỒNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 20. Bảo hành công trình xây dựng (thực hiện Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ)

1. Nhà thầu thi công xây dựng công trình có trách nhiệm bảo hành công trình; nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm bảo hành thiết bị công trình. Thời hạn bảo hành công trình thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 15/2013/NĐ.

2. Nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình phải thực hiện việc bảo hành sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư yêu cầu sửa chữa, khắc phục các hư hỏng xảy ra tại công trình. Nếu các nhà thầu nêu trên không tiến hành bảo hành thì chủ đầu tư có quyền sử dụng tiền bảo hành để thuê tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc bảo hành, kinh phí thuê được trừ vào tiền bảo hành công trình xây dựng.

3. Chủ đầu tư phải thỏa thuận trong hợp đồng với các nhà thầu tham gia xây dựng công trình về quyền và trách nhiệm của các bên trong bảo hành công trình xây dựng; mức tiền bảo hành và việc lưu giữ, sử dụng, hoàn trả tiền bảo hành theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Điều 21. Trách nhiệm của các bên về bảo hành công trình xây dựng (thực hiện Điều 35 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình vận hành, bảo trì công trình và giao cho chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình thực hiện việc vận hành, bảo trì công trình theo đúng quy định của quy trình vận hành, bảo trì công trình;

b) Kiểm tra, phát hiện hư hỏng của công trình để yêu cầu nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình sửa chữa, thay thế; giám sát và nghiệm thu công việc khắc phục, sửa chữa của nhà thầu thi công xây dựng và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình xây dựng;

c) Xác nhận hoàn thành bảo hành công trình xây dựng cho nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình, các nhà thầu này chỉ được hoàn trả tiền bảo hành công trình sau khi kết thúc thời hạn bảo hành và được chủ đầu tư xác nhận đã hoàn thành công việc bảo hành.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình và nhà thầu cung ứng thiết bị công trình có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức khắc phục ngay sau khi có yêu cầu của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình và phải chịu mọi chi phí khắc phục;

b) Từ chối bảo hành trong các trường hợp hư hỏng phát sinh không phải do lỗi của nhà thầu gây ra hoặc do nguyên nhân bất khả kháng.

3. Nhà thầu khảo sát xây dựng, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu thi công xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị công trình và các nhà thầu khác có liên quan chịu trách nhiệm về chất lượng công trình tương ứng với phần công việc do mình thực hiện kể cả sau thời gian bảo hành.

Điều 22. Phân loại, phân cấp sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (thực hiện Điều 36 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Các loại sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình xây dựng (gọi chung là sự cố), bao gồm: Sự cố công trình (công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm, công trình lân cận); sự cố mất an toàn lao động của người hoặc thiết bị thi công xây dựng; sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng.

2. Cấp sự cố được chia thành bốn cấp theo mức độ thiệt hại về người và vật chất, bao gồm: cấp đặc biệt nghiêm trọng, cấp I, cấp II và cấp III. Phân cấp sự cố thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

Điều 23. Báo cáo sự cố (thực hiện Điều 37 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Ngay sau khi xảy ra sự cố, bằng phương pháp nhanh nhất chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải báo cáo tóm tắt về sự cố cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và cơ quan cấp trên của mình, Ủy ban nhân dân cấp xã ngay sau khi nhận được thông tin phải báo cáo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh về sự cố.

2. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng báo cáo về sự cố bằng văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và UBND

Thành phố nơi xảy ra sự cố. Đối với tất cả các loại sự cố, nếu có thiệt hại về người thì chủ đầu tư còn phải gửi báo cáo cho Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản hoặc nhận được thông tin về sự cố, UBND Thành phố có trách nhiệm gửi báo cáo sự cố cho Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các sự cố đặc biệt nghiêm trọng, sự cố cấp I và các sự cố khác có thiệt hại về người.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng các cấp được quyền yêu cầu chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng và các bên liên quan cung cấp thông tin về sự cố.

5. Đối với sự cố mất an toàn lao động trong thi công xây dựng và sự cố cháy, nổ xảy ra trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng phải thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về lao động, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 24. Giải quyết sự cố (thực hiện Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng công trình, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 23 của Quy định này.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ hiện trường sự cố và thực hiện các công việc cần thiết khác trong quá trình giải quyết sự cố. Trong trường hợp xảy ra sự cố đặc biệt nghiêm trọng gây thiệt hại lớn về người và vật chất, UBND cấp huyện báo cáo UBND Thành phố chỉ đạo, giải quyết.

2. Việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Sự cố phải được xác định đúng nguyên nhân để khắc phục triệt để, đảm bảo chất lượng công trình theo quy định của thiết kế. Sau khi khắc phục sự cố, công trình được thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng phải có ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục sự cố tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sự cố.

Điều 25. Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố (thực hiện Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Thẩm quyền tổ chức giám định nguyên nhân sự cố

UBND Thành phố giao Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với sự cố cấp II, cấp III như sau:

a) Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình thuộc chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Quy định này;

b) Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Quy định này;

c) Phòng quản lý đô thị giúp UBND cấp huyện tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình nhà ở riêng lẻ theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Quy định này. Trường hợp cần thiết, UBND cấp huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp thực hiện trong việc tổ chức giám định.

d) Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đề xuất UBND Thành phố đề nghị Bộ Xây dựng hoặc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp hoặc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố.

2. Nội dung thực hiện giám định nguyên nhân sự cố thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

3. Cơ quan quản lý nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều này có thể trực tiếp thực hiện giám định hoặc chỉ định tổ chức kiểm định có năng lực phù hợp thực hiện giám định sự cố.

4. Chủ đầu tư, các nhà thầu khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng và nhà thầu thi công xây dựng công trình có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong quá trình giám định nguyên nhân sự cố.

5. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành động ngăn cản, can thiệp vào quá trình giám định nguyên nhân sự cố của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 26. Hồ sơ sự cố (thực hiện Điều 40 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)

1. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng có trách nhiệm lập hồ sơ sự cố. Riêng sự cố nhà ở riêng lẻ của dân, UBND cấp xã lập hồ sơ sự cố.

2. Nội dung hồ sơ sự cố thực hiện theo các quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 39 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP.

Điều 27. Giám sát của nhân dân về chất lượng công trình xây dựng (thực hiện Điều 9 Nghị định 15/2013/NĐ-CP)

1. Tại các công trình xây dựng, chủ đầu tư phải treo biển báo tại công trường thi công, biển báo phải đặt ở vị trí dễ nhìn, dễ đọc để tạo điều kiện cho nhân dân giám sát, nội dung ghi trên biển báo thực hiện theo quy định tại Điều 74 Luật Xây dựng.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm Quy định này, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời với chủ đầu tư, UBND cấp xã nơi đặt công trình hoặc cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

3. Chủ đầu tư, các cơ quan tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Xử lý chuyển tiếp

1. Về phân cấp công trình xây dựng để phục vụ công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng:

a) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được quyết định đầu tư trước ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì cấp công trình thuộc dự án được xác định theo Quyết định đầu tư;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình được quyết định đầu tư sau ngày Thông tư số 10/2013/TT-BXD có hiệu lực thi hành, thì cấp công trình thuộc dự án được xác định theo quy định của Thông tư này.

2. Về chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng:

a) Các công trình, hạng mục công trình đã có hợp đồng và thực hiện chứng nhận đủ điều kiện an toàn chịu lực hoặc chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng trước ngày 15/4/2013 nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận thì chủ đầu tư và tổ chức chứng nhận tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành công trình, hạng mục công trình. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng căn cứ kết quả kiểm tra công trình tại hiện trường, kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận để kết luận kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trước khi đưa công trình vào sử dụng;

b) Các quy định liên quan đến chứng nhận an toàn chịu lực tại Điều 43 Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Điểm a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 16/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở được bãi bỏ kể từ ngày Nghị định 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

3. Về kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình thuộc đối tượng phải được kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD:

a) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trước ngày Nghị định 15/2013/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, việc nghiệm thu công trình được thực hiện theo quy định tại Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Quyết định số 122/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND Thành phố ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

b) Đối với công trình được nghiệm thu hoàn thành sau ngày 15/4/2013, việc nghiệm thu công trình phải thực hiện theo quy định của Nghị định 15/2013/NĐ-CP.

Riêng đối với công trình sử dụng vốn ngân sách Thành phố được nghiệm thu hoàn thành sau ngày 15/4/2013 đến trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, việc kiểm tra công tác nghiệm thu (thông qua việc kiểm tra hồ sơ nghiệm thu) được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 122/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND Thành phố ban hành Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội nếu có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp vi

phạm các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sẽ phải bồi thường thiệt hại.

2. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân nhiều lần vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân này trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

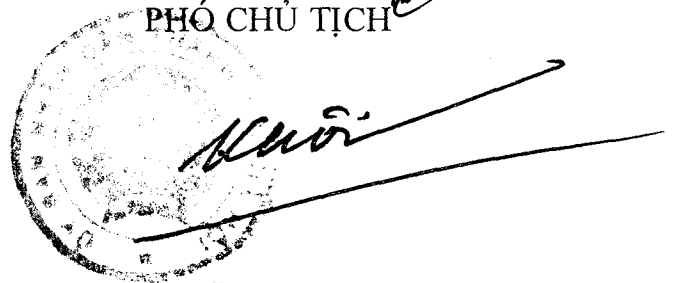
1. Thủ trưởng các Sở, Ngành: Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cùng cố tổ chức, phân công trách nhiệm cho các đơn vị trực thuộc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của Nhà nước, UBND Thành phố và nội dung cụ thể tại Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung Quy định này, thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh thông qua Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo với UBND thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khôi

PHỤ LỤC 1

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 14/2013 của UBND Thành phố Hà Nội

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU CHUYỂN GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG

Công trình Thuộc dự án đầu tư.....

Hạng mục công trình.....

Địa điểm xây dựng

Thời gian kiểm tra

Bắt đầu h 00 , ngày tháng năm 201...

Kết thúc h 00 , ngày tháng năm 201...

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: *tên của cơ quan, đơn vị*

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng: *tên của nhà thầu*

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện nhà thầu thi công xây dựng: *tên của nhà thầu*

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

- Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu ⁽¹⁾

+ Ghi rõ họ và tên, chức vụ từng người tham gia

Đã tiến hành những việc sau :

- Kiểm tra danh mục hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng ⁽²⁾
đã lập giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng;
- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ nghiệm thu giai đoạn xây dựng
.....,
- Kiểm tra thực tế việc thi công trên công trình.

Sau khi kiểm tra, xem xét và trao đổi, các bên tham gia thống nhất kết luận:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng công trình/hạng mục công trình.
2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.
3. Kết luận:
Đồng ý/Không đồng ý để chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu chuyển giai đoạn thi công.
4. Các ý kiến khác nếu có:
- Nếu hồ sơ nghiệm thu chưa đủ thì yêu cầu chủ đầu tư bổ sung để hoàn chỉnh nghiệm thu (nêu cụ thể về hồ sơ pháp lý và tài liệu quản lý chất lượng)

Ghi chú :

(1) Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp & Chế xuất hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện kiểm tra công tác nghiệm thu;

(2) Danh mục hồ sơ, tài liệu thiết lập ở giai đoạn chuyển bước thi công xây dựng được lập trên cơ sở những hồ sơ đã thực hiện theo phụ lục 5 của Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

- Chủ đầu tư gửi Biên bản này cùng với Báo cáo hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng cho cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng (quy định tại Khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6 Điều 3 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số .../2013/QĐ-UBND ngày .../.../2013 của UBND thành phố Hà Nội).

Đại diện Chủ đầu tư
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện Nhà thầu giám sát thi công xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện
Nhà thầu thi công xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Đại diện Sở ...
(hoặc Phòng QLĐT cấp huyện)
(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số ~~49~~⁴¹/2013/QĐ-UBND ngày ~~11/11~~^{11/10}/2013 của UBND thành phố Hà Nội

..... (1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG

Kính gửi : (tên chủ đầu tư).....

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình/hạng mục công trình tại văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... ;

- Căn cứ biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng tại hiện trường (2) ngày ... tháng ... năm ...;

... (1) ... thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng như sau:

Sau khi kiểm tra, ... (1) thông báo kết quả kiểm tra công trình/hạng mục công trình (tên công trình/hạng mục công trình)..... hoàn thành trước khi đưa vào sử dụng như sau:

1. Nhận xét về hiện trạng chất lượng công trình/hạng mục công trình.

2. Nhận xét về sự tuân thủ các quy định của pháp luật thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 3 Điều 24 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

3. Kết luận:

Đồng ý/Không đồng ý cho chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.

4. Các ý kiến khác nếu có:

Nơi nhận:

..... (1)

- Như trên;

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

- Lưu:...

(1) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư được quy định tại Điều 25 Thông tư số 10/2013/TT-BXD.

(2) Đại diện các bên tham gia kiểm tra bao gồm: cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư và các nhà thầu xây dựng công trình có liên quan ký tên trong biên bản kiểm tra.

Dự thảo ngày 20 /8/2013.

PHỤ LỤC 3

(kèm theo Quy định Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng, ban hành theo Quyết định số ~~49~~ **49**./2013/QĐ-UBND ngày ~~11/11~~ /2013 của UBND thành phố Hà Nội)

UBND phường (xã, thị trấn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày.... tháng... năm 201...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KHỞI CÔNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Định kỳ 6 tháng/lần, vào ngày 15/6 và 15 /11 hàng năm)

Kính gửi: Phòng Quản lý đô thị quận (huyện, thị xã) ...

Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 11 Quy định trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng ban hành theo Quyết định số/2013/QĐ-UBND của UBND Thành phố, UBND phường (xã, thị trấn) báo cáo tình hình khởi công công trình xây dựng trên địa bàn trong 6 tháng như sau:

T T	Tên công trình/Địa điểm xây dựng	Dự án thuộc nhóm/Tổng mức đầu tư	Tên Chủ đầu tư/Địa chỉ và điện thoại liên hệ/Cấp Quyết định đầu tư	Cấp công trình/Diện tích XD/ Tổng diện tích sàn/ Số tầng	Giấy phép xây dựng số	Tên nhà thầu khảo sát địa chất công trình	Tên nhà thầu tư vấn thiết kế	Tên nhà thầu TVGS	Tên nhà thầu thi công XD	Ngày/tháng/năm khởi công/ Dự kiến thời gian hoàn thành
1										
...										

(Ký tên , đóng dấu)